

PHỤ LỤC SỐ 13.
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
CỦA NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

- TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: Cấp tỉnh: **191** TTHC; cấp xã: **0** TTHC.
- Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: Toàn trình: **164** DVC; Một phần: **27** DVC

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	TTHC CẤP TỈNH (191 TTHC)		27	164	191
I	Lĩnh vực: An toàn bức xạ và hạt nhân				
1	2.002379	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)		x	x
2	2.002380	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	x		x
3	2.002381	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	x		x
4	2.002382	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	x		x
5	2.002383	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	x		x
6	2.002384	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	x		x

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
7	2.002385	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	x
8	1.013951	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh		x	x
9	1.013971	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh		x	x
10	1.013948	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh		x	x
11	1.014204	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh		x	x
12	1.014206	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích		x	x

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh			
13	1.014207	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh		X	X
14	1.014205	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh		X	X
II	Lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ				
15	1.014383	Đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam		X	X
16	1.014388	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài		X	X
17	1.014389	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ		X	X
18	1.014390	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	1.014391	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		X	X
20	1.014392	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		X	X
21	1.014393	Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		X	X
22	1.014394	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ		X	X
23	2.002724	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	X		X
24	2.002248	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ KH&CN)		X	X
25	2.002249	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ KH&CN)		X	X
26	2.002544	Cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)		X	X
27	2.002546	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
28	2.002548	Cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)		x	x
29	1.011815	Mua sáng chế, sáng kiến		x	x
30	2.001143	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	x		x
31	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	x		x
32	1.002690	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	x		x
33	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	x		x
34	2.001179	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ		x	x
35	1.012353	Xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	x		x
36	1.014525	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		x	x

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
37	1.014526	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		X	X
38	1.011814	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu		X	X
39	1.011812	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu		X	X
40	1.011816	Hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực		X	X
41	2.002711	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	X		X
42	1.014438	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh		X	X
43	1.014439	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo		X	X
44	1.014440	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh		X	X
45	1.014431	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh		X	X
46	1.014432	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo		X	X
47	1.014433	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
48	1.014435	Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo		X	X
49	1.014436	Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo		X	X
50	1.014437	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo		X	X
51	1.014445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ		X	X
52	1.014446	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ		X	X
53	1.014444	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước		X	X
54	1.014451	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.		X	X
55	1.014452	Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		X	X
56	1.014453	Thủ tục đề nghị hỗ trợ lãi suất vay		X	X
57	1.014454	Thủ tục đề xuất tham gia chương trình hỗ trợ voucher		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
58	1.014536	Thủ tục hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học tại Việt Nam		X	X
59	1.014537	Thủ tục hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học		X	X
60	1.014538	Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất		X	X
61	1.014539	Thủ tục hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phổ biến tri thức		X	X
62	1.014540	Thủ tục hỗ trợ thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài		X	X
63	1.014542	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu viên sau tiến sĩ		X	X
64	1.014541	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ và học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ		X	X
65	1.014544	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nhà khoa học xuất sắc có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		X	X
66	1.014547	Thủ tục hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn		X	X
67	1.014549	Thủ tục hỗ trợ tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
68	1.014551	Thủ tục hỗ trợ công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế		X	X
69	1.014553	Thủ tục hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng		X	X
70	2.002794	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển		X	X
71	2.002795	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao		X	X
III	Lĩnh vực: Sở hữu trí tuệ				
72	1.011937	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	X		X
73	1.011938	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	X		X
74	1.011939	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp		X	X
75	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		X	X
76	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.		X	X
77	1.013922	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
78	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		x	x
79	1.013925	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp		x	x
80	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		x	x
81	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		x	x
82	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp		x	x
83	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp		x	x
84	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	x		x
85	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	x		x
86	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	x		x
87	1.013963	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	x		x
88	1.013966	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	x		x
89	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	x		x

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
90	1.013970	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	x		x
91	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	x		x
92	1.013973	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	x		x
93	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	x		x
IV	Lĩnh vực: Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				
94	2.000212	Công bố sử dụng dấu định lượng		x	x
95	1.000449	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng		x	x
96	2.001209	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận		x	x
97	2.001207	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh		x	x
98	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành		x	x

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
99	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân		X	X
100	2.001208	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	X		X
101	2.001100	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	X		X
102	2.001501	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp		X	X
103	2.001269	Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia	X		X
104	1.001392	Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu		X	X
105	2.001259	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu		X	X
106	3.000450	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường		X	X
107	3.000463	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường		X	X
108	3.000452	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
109	3.000453	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa		X	X
110	3.000451	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa		X	X
111	3.000454	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa		X	X
112	3.000455	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng		X	X
113	3.000456	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng		X	X
114	3.000457	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng		X	X
115	3.000458	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa		X	X
116	3.000460	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa		X	X
117	3.000459	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa		X	X
118	3.000461	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý		X	X
119	3.000462	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
120	3.000464	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý		X	X
121	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2		X	X
122	3.000470	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2		X	X
123	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường		X	X
124	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường		X	X
125	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường		X	X
126	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường		X	X
127	3.000474	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)		X	X
128	3.000475	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
129	3.000476	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn		X	X
130	3.000477	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập		X	X
131	3.000478	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập		X	X
132	3.000479	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận		X	X
133	3.000480	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận		X	X
134	3.000481	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
135	3.000482	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận		X	X
136	3.000483	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước		X	X
137	3.000484	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước		X	X
138	3.000485	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc		X	X
139	3.000486	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo		X	X
140	3.000487	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo		X	X
V	Lĩnh vực: Bưu chính				
141	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
142	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính		X	X
143	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính		X	X
144	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn		X	X
145	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được		X	X
146	1.004470	Cấp văn bản xác nhận văn bản thông báo hoạt động bưu chính		X	X
147	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được		X	X
VI	Lĩnh vực: Viễn thông và internet				
148	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		X	X
149	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
150	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông		X	X
151	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông		X	X
152	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
153	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị		X	X
154	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)		X	X
155	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		X	X
156	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		X	X
157	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		X	X
158	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP			
159	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		X	X
160	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		X	X
161	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất		X	X
162	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
163	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)		X	X
164	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông		X	X
165	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		X	X
166	1.013913	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động		X	X
167	1.013914	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động		X	X
168	1.013915	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động		X	X
169	1.013917	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.		X	X
170	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá		X	X

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
171	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá		x	x
VII	Lĩnh vực: Tần số vô tuyến điện				
172	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.		x	x
173	1.010286	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá		x	x
174	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá		x	x
175	2.002779	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá		x	x
176	2.002781	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư		x	x
177	2.002782	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư		x	x
178	2.002776	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư		x	x
179	2.002787	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư		x	x
180	2.002783	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)		x	x

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh
			Một phần	Toàn trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
181	2.002784	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)		X	X
182	2.002785	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)		X	X
183	2.002786	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)		X	X
184	2.002788	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ		X	X
185	2.002789	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ		X	X
186	2.002780	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ		X	X
187	2.002790	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ		X	X
188	1.012935	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư		X	X
189	2.002793	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư		X	X
190	2.002791	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải		X	X
191	2.002792	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải		X	X

